TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST Ngày: 15-4-2021 V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hoàng Bảo Ngọc

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Trần Thị Lệ

Ông Đinh Công Trường

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Trịnh Thị Hằng –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 471/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/02/2021,Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11/03/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Số x, đường y, phường z, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

Bị đơn: Ông Đỗ Nguyên Th, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Tổ x1, khu phố y1, phường z1, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày:

Bà và ông Đỗ Nguyên Th tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện TT (nay là phường z1, thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 23/7/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 bà và ông Th bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông Th không quan tâm đến gia đình, vợ chồng không tin tưởng nhau, từ đó vợ chồng thường cãi vã, cuộc sống không

hạnh phúc. Từ năm 2010 bà và ông Th sống ly thân cho đến nay, trong thời gian ly thân ông Th sống tại khu phố Lam Sơn, phường z1, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu còn bà sống tại thành phố Vũng Tàu. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Th vì mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn.

Bà và ông Th có một con chung, là cháu Đỗ Hoàng A, sinh ngày 14/8/2010. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về bị đơn: Vắng mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn, đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng:

1.1. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Bùi Thị T yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Nguyên Th đang cư trú tại Tổ 8, khu 2, khu phố Lam Sơn, phường z1, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.*2. Về sự vắng mặt của đương sự*: Ông Đỗ Nguyên Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Th là đúng theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị T và ông Đỗ Nguyên Th là hợp pháp, do cả hai đã tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện TT (nay là phường z1, thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 23/7/2009, theo giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/2009.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp trong cách sống, vợ chồng không quan tâm chăm sóc, yêu thương, chia sẻ với nhau.

Theo kết quả xác minh tại Công an phường PH thì ông Đỗ Nguyên Th hiện cư trú tại Tổ 8, khu 2, khu phố y1, phường z1, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng: phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm, của Tòa án hợp lệ cho ông Th tuy nhiên ông Th không có mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ theo quy định của Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự cho Tòa án nên được coi từ bỏ quyền bảo vệ của mình tại phiên tòa sơ thẩm.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà T đối với ông Th.

2.2. Về con chung: Bà T và ông Th có một con chung cháu Đỗ Hoàng A, sinh ngày 14/8/2010.

Xét thấy bà T hiện có công việc và thu nhập ổn định. Kể từ khi ly thân, Cháu A được mà Thanh nuôi dưỡng và chăm sóc tốt. Cháu A có nguyện vọng muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự ổn định và điều kiện mọi mặt cho sự phát triển của con chung, cần giao Cháu A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là đúng quy định pháp luật. Do bà T không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Bùi Thị T nộp án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56,57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T đối ông Đỗ Nguyên Th về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị T được ly hôn với ông Đỗ Nguyên Th.

Về con chung: Buộc ông Đỗ Nguyên Th phải giao con chung Đỗ Hoàng A, sinh ngày 14/8/2010 cho bà Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà T không yêu cầu ông Đỗ Nguyên Th cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đỗ Nguyên Th được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị T nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005907 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Bùi Thị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Bảo Ngọc

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND phường Phước Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án